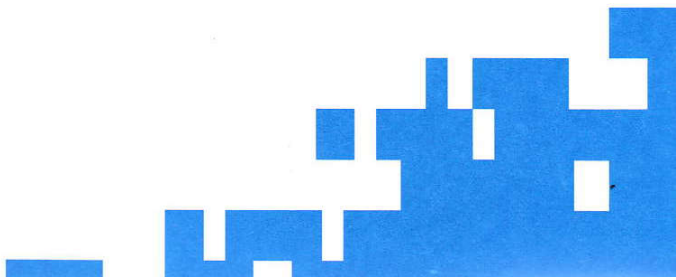


**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG KON TUM**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 35

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đường Kon Tum (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đặng Việt Anh	Chủ tịch
Ông Trần Ngọc Hiếu	Thành viên
Ông Thái Văn Hùng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Trần Thị Nhi	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Cẩn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Đặng Thị Thu Hằng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Quảng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Thái Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Narayanasamy Ravichandran	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đặng Thị Thu Hằng

Tổng Giám đốc

Theo Giấy ủy quyền số 54A/GUQ-2022 ngày 24/10/2022

Kon Tum, ngày 08 tháng 08 năm 2024

RSM Việt Nam

Tầng 3A, Tòa nhà L'Mak The Signature
147-147Bis Hai Bà Trưng
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +8428 3827 5026
contact_hcm@rsm.com.vn

www.rsm.global/vietnam

Số: 749/2024/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08 tháng 08 năm 2024 từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD
ASSURANCE | TAX | CONSULTING

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2023-026-1



Lê Việt Hà
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
4732-2024-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2024

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/07/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		279.685.477.523	283.159.881.612
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.318.106.444	4.204.069.409
1. Tiền	111	4.1	1.318.106.444	4.204.069.409
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		18.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	18.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		109.579.290.989	250.273.989.919
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	82.519.510.250	218.641.462.400
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	26.277.383.965	28.298.166.479
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		3.140.000.000	3.140.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136		1.290.340.447	3.830.388.469
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(3.647.943.673)	(3.636.027.429)
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	150.722.239.965	28.597.933.202
1. Hàng tồn kho	141		152.495.492.531	30.455.041.262
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.773.252.566)	(1.857.108.060)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		65.840.125	83.889.082
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		65.840.125	83.889.082
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		203.387.124.221	198.352.032.371
I. Tài sản cố định	220		179.521.565.649	195.629.195.062
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	178.270.626.703	194.371.070.396
Nguyên giá	222		385.810.202.080	385.182.455.280
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(207.539.575.377)	(190.811.384.884)
2. Tài sản cố định vô hình	227		1.250.938.946	1.258.124.666
Nguyên giá	228		1.958.794.286	1.958.794.286
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(707.855.340)	(700.669.620)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		21.169.730.058	83.882.539
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.8	21.169.730.058	83.882.539
III. Tài sản dài hạn khác	260		2.695.828.514	2.638.954.770
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.695.828.514	2.638.954.770
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		483.072.601.744	481.511.913.983

(Xem tiếp trang sau)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/07/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		255.264.769.600	277.642.704.223
I. Nợ ngắn hạn	310		227.436.769.600	239.814.704.223
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	5.545.501.848	19.564.380.685
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		712.396.950	2.987.984.920
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	2.566.571.477	13.492.728.806
4. Phải trả người lao động	314		1.127.517.423	961.757.829
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		529.514.666	2.622.625.985
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		334.545.458	334.545.455
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		525.295.261	515.203.312
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.11	204.751.230.982	189.886.100.696
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.12	10.820.000.000	8.919.000.000
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		524.195.535	530.376.535
II. Nợ dài hạn	330		27.828.000.000	37.828.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.11	27.828.000.000	37.828.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		227.807.832.144	203.869.209.760
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.13.1	227.807.743.962	203.869.121.578
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	4.13.2	50.700.000.000	50.700.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.700.000.000	50.700.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.609.812.512	2.609.812.512
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	4.13.6	18.674.216.181	18.674.216.181
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	4.13.6	7.900.792.917	4.361.155.047
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		147.922.922.352	127.523.937.838
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		117.010.022.923	89.327.224.449
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		30.912.899.429	38.196.713.389
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		88.182	88.182
1. Nguồn kinh phí	431		88.182	88.182
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		483.072.601.744	481.511.913.983



Phê duyệt

Đặng Thị Thu Hằng
Tổng Giám đốc

Theo Giấy ủy quyền số 54A/GUQ-2022 ngày 24/10/2022

Kon Tum, ngày 08 tháng 08 năm 2024

Người lập

Võ Thị Ái Thùy
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	278.961.472.158	547.677.775.904
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		278.961.472.158	547.677.775.904
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	215.045.625.138	479.659.077.099
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		63.915.847.020	68.018.698.805
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	2.631.760.745	5.026.464.936
6. Chi phí tài chính	22	5.4	21.222.094.705	22.625.184.585
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		21.155.302.736	22.621.833.485
7. Chi phí bán hàng	25		2.815.728.578	2.043.981.448
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	9.049.712.143	7.239.368.417
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		33.460.072.339	41.136.629.291
10. Thu nhập khác	31		237.823.311	142.723.003
11. Chi phí khác	32		2.273.595.512	1.674.297.336
12. Lợi nhuận khác	40		(2.035.772.201)	(1.531.574.333)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		31.424.300.138	39.605.054.958
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	511.400.709	1.408.341.569
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		30.912.899.429	38.196.713.389
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.13.4	6.097	7.435
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.13.4	6.097	7.435



Phê duyệt

Đặng Thị Thu Hằng
Tổng Giám đốc

Theo Giấy ủy quyền số 54A/GUQ-2022 ngày 24/10/2022

Kon Tum, ngày 08 tháng 08 năm 2024

Người lập

Võ Thị Ái Thùy
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		459.187.507.842	428.877.923.967
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(366.063.375.726)	(378.430.530.609)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(24.591.675.684)	(20.151.489.046)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(12.777.432.504)	(21.981.442.346)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	4.10	(1.830.470.465)	(2.527.505.832)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		373.368.175	13.635.396.613
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(24.014.273.655)	(27.770.687.372)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		30.283.647.983	(8.348.334.625)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(18.518.058.915)	(3.655.549.622)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		109.090.909	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(18.000.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.430.226.772	3.715.131.790
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(33.978.741.234)	59.582.168
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	269.618.585.871	283.807.867.181
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(264.753.455.585)	(273.368.230.156)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36	4.13.5	(4.056.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		809.130.286	10.439.637.025
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM (50=20+30+40)	50		(2.885.962.965)	2.150.884.568
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		4.204.069.409	2.053.184.841
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70=50+60+61)	70	4.1	1.318.106.444	4.204.069.409

Phê duyệt

Người lập



Đặng Thị Thu Hằng
Tổng Giám đốc

Võ Thị Ái Thủy
Kế toán trưởng

Theo Giấy ủy quyền số 54A/GUQ-2022 ngày 24/10/2022

Kon Tum, ngày 08 tháng 08 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đường Kon Tum (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo:

- Quyết định số 1459/QĐ-BNN-ĐMĐN ngày 12 tháng 05 năm 2008 của Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 3803000111 ngày 27 tháng 10 năm 2006 (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hiện tại có mã số 6100228104) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 18 tháng 11 năm 2015.

Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 987/QĐ-SGDHN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Công văn số 456/CV-KTS ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 50.700.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 30/06/2024		Tại ngày 01/07/2023	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH Kim Hà Việt	Việt Nam	7.605.000.000	15	7.605.000.000	15
Ông Nguyễn Tất Đạt	Việt Nam	3.588.000.000	7	3.588.000.000	7
Các cổ đông khác	Đa quốc gia	39.507.000.000	78	39.507.000.000	78
Cộng		50.700.000.000	100	50.700.000.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 223 (30/06/2023: 206).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất đường, chế biến và kinh doanh các sản phẩm có liên quan.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất đường;
- Trồng cây mía;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Mua bán phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Đặc thù kinh doanh của Công ty là theo mùa vụ, vụ mía thông thường bắt đầu từ tháng 11 năm nay đến tháng 06 năm sau. Trong niên vụ trước, Công ty đã bán toàn bộ số lượng thành phẩm đường đã sản xuất được trong năm vì nhu cầu tiêu thụ đường tăng cao dẫn đến nguồn tồn kho đường thành phẩm đầu năm không còn (chỉ còn tồn kho phụ phẩm là mật rỉ). Bên cạnh đó, năm nay nhu cầu đơn hàng đường cũng giảm dẫn đến doanh thu năm nay giảm khoảng 49% so với năm trước.

1.5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 01 tháng 07 năm trước đến ngày 30 tháng 06 năm nay.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua ngoại tệ/ tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng tại ngày báo cáo.

3.4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.6. Hàng tồn kho (tiếp theo)

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- | | |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 08 – 50 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị | 07 – 15 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 07 – 10 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 08 – 10 năm |

3.8. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

3.10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.11. Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng phải trả không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng phải trả được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

3.12. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.13. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chi phí đi vay vốn và lỗ chênh lệch tỷ giá.

3.16. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành như sau:

- Thu nhập từ hoạt động chế biến nông sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: miễn thuế;
- Thu nhập từ hoạt động khác: 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.17. Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch;
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Theo Nghị định 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015, Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 và Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015, Công ty được miễn thuế cho thu nhập từ hoạt động chế biến nông sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Cụ thể, thu nhập từ hoạt động sản xuất đường của Công ty tại địa bàn tỉnh Kon Tum được miễn thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.17. Thuế (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Phân bón: 0%;
- Đường và phụ phẩm từ đường, thuốc bảo vệ thực vật: 5%;
- Dịch vụ khác: 10%.

Theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành Nghị quyết số 101/2023/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 06 năm 2023 và Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành Nghị quyết số 110/2023/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa, dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2023 đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2024. Cụ thể, các dịch vụ khác của Công ty được áp dụng thuế suất thuế GTGT 8%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.20. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.21. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1. Tiền**

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/07/2023 VND
Tiền mặt	261.089.508	364.557.462
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.057.016.936	3.839.511.947
Cộng	<u>1.318.106.444</u>	<u>4.204.069.409</u>

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/07/2023 VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	18.000.000.000	-

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất 4,2%/năm.

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/07/2023 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm Mục 8	721.452.000	119.676.390.000
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty TNHH An Hà	58.500.000.000	1.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Thiên Thiên Phúc	22.500.000.000	34.600.000.000
Công ty TNHH Thái Hằng Hà Tiên	-	43.250.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Phú An Sài Gòn	-	15.800.000.000
Các khách hàng khác	798.058.250	4.315.072.400
Cộng	<u>82.519.510.250</u>	<u>218.641.462.400</u>

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/07/2023 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	525.792.255	2.515.244.695
Ứng vốn cho nông dân đầu tư trồng mía vùng nguyên liệu	24.610.538.424	23.185.244.530
Trả trước cho người bán khác:		
Công ty TNHH Một Thành Viên Phú An Sài Gòn	-	2.327.491.270
Các nhà cung cấp khác	1.141.053.286	270.185.984
Cộng	<u>26.277.383.965</u>	<u>28.298.166.479</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.5. Nợ xấu**

	Tại ngày 30/06/2024 VND		Tại ngày 01/07/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, ứng trước và cho vay quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	3.680.050.940	32.107.267	3.653.613.990	17.586.561

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, ứng trước và cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2024 VND				Tại ngày 01/07/2023 VND				
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Phải thu về cho vay:									
Công ty Cổ phần Nhựa Trường Thịnh	2.000.000.000	-	Trên 3 năm	2.000.000.000	-	Trên 3 năm	-	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Kiên Giang	500.000.000	-	Trên 3 năm	500.000.000	-	Trên 3 năm	-	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Kiên Giang	450.000.000	-	Trên 3 năm	450.000.000	-	Trên 3 năm	-	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Bắc Trung Bộ	190.000.000	-	Trên 3 năm	190.000.000	-	Trên 3 năm	-	-	Trên 3 năm
Phải thu về lãi cho vay:									
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Kiên Giang	235.069.436	-	Trên 3 năm	235.069.436	-	Trên 3 năm	-	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Kiên Giang	189.512.499	-	Trên 3 năm	189.512.499	-	Trên 3 năm	-	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Bắc Trung Bộ	4.867.778	-	Trên 3 năm	4.867.778	-	Trên 3 năm	-	-	Trên 3 năm
Phải thu nợ đầu tư vùng nguyên liệu	110.601.227	32.107.267	Trên 6 tháng đến trên 3 năm	84.164.277	17.586.561	Trên 6 tháng đến trên 3 năm	17.586.561	17.586.561	Trên 6 tháng đến trên 3 năm
Cộng	3.680.050.940	32.107.267		3.653.613.990	17.586.561		3.653.613.990	17.586.561	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.6. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/06/2024		Tại ngày 01/07/2023	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.553.535.882	(1.773.252.566)	2.559.423.761	(1.857.108.060)
Công cụ, dụng cụ	12.610.879.527	-	9.795.268.149	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.153.903.117	-	11.091.631.621	-
Thành phẩm	128.466.654.234	-	5.475.784.152	-
Hàng hóa	710.519.771	-	1.532.933.579	-
Cộng	<u>152.495.492.531</u>	<u>(1.773.252.566)</u>	<u>30.455.041.262</u>	<u>(1.857.108.060)</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/07/2023	110.296.767.263	270.980.988.532	3.361.599.270	543.100.215	385.182.455.280
Mua sắm	-	1.673.494.500	-	-	1.673.494.500
Thanh lý	-	-	(1.045.747.700)	-	(1.045.747.700)
Tại ngày 30/06/2024	110.296.767.263	272.654.483.032	2.315.851.570	543.100.215	385.810.202.080
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/07/2023	53.829.538.838	134.155.192.393	2.328.368.119	498.285.534	190.811.384.884
Khấu hao trong năm	3.198.748.179	14.337.143.377	229.286.637	8.760.000	17.773.938.193
Thanh lý	-	-	(1.045.747.700)	-	(1.045.747.700)
Tại ngày 30/06/2024	57.028.287.017	148.492.335.770	1.511.907.056	507.045.534	207.539.575.377
Giá trị còn lại:					*
Tại ngày 01/07/2023	56.467.228.425	136.825.796.139	1.033.231.151	44.814.681	194.371.070.396
Tại ngày 30/06/2024	53.268.480.246	124.162.147.262	803.944.514	36.054.681	178.270.626.703

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là 120.371.750.364 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.11.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 111.834.132.721 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/07/2023 VND
Sửa chữa lớn tài sản cố định	57.520.745	83.882.539
Dự án đầu tư bổ sung, cải tạo thiết bị tiết kiệm hơi	21.112.209.313	-
Cộng	21.169.730.058	83.882.539

4.9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2024 VND		Tại ngày 01/07/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	9.996.750.000	9.996.750.000
Phải trả người bán khác:				
Công ty Cổ phần Tổng công ty Sông Gianh	1.872.800.000	1.872.800.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Nông nghiệp Tiến Nông	962.970.000	962.970.000	8.531.880.000	8.531.880.000
Các đối tượng khác (*)	2.709.731.848	2.709.731.848	1.035.750.685	1.035.750.685
Cộng	5.545.501.848	5.545.501.848	19.564.380.685	19.564.380.685

(*) Tại ngày 30/06/2024, phải trả cho các đối tượng khác ngắn hạn có số dư mỗi đối tượng nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Trong năm VND	Tại ngày 01/07/2023 VND
	Phải nộp	Phải nộp Đã nộp/Khấu trừ	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	2.183.904.706	32.723.618.606	11.995.243.626
Thuế thu nhập doanh nghiệp	89.271.813	1.830.470.465	1.408.341.569
Thuế thu nhập cá nhân	27.788.383	268.967.225	68.016.354
Thuế tài nguyên	16.850.000	125.011.169	21.127.257
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	248.756.575	1.007.398.264	-
Các loại thuế khác	-	378.827.873	-
Cộng	2.566.571.477	36.085.537.027	13.492.728.806

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.11. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2024 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/07/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Vay ngân hàng	194.751.230.982	194.751.230.982	269.618.585.871	254.753.455.585	179.886.100.696	179.886.100.696
Vay dài hạn đến hạn trả	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	204.751.230.982	204.751.230.982	279.618.585.871	264.753.455.585	189.886.100.696	189.886.100.696
Dài hạn:						
Vay ngân hàng	37.828.000.000	37.828.000.000	-	10.000.000.000	47.828.000.000	47.828.000.000
Trừ nợ vay dài hạn đến hạn trả	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Cộng	27.828.000.000	27.828.000.000	(10.000.000.000)	-	37.828.000.000	37.828.000.000
Tổng cộng	232.579.230.982	232.579.230.982	269.618.585.871	264.753.455.585	227.714.100.696	227.714.100.696

Các khoản vay ngắn hạn ngắn hạn là các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam bằng VND với tổng hạn mức 220 tỷ VND, có thời hạn 1 năm, chịu lãi suất từ 8,1%/năm đến 10,5%/năm và dùng để bổ sung vốn lưu động của Công ty. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Nhà cửa, vật kiến trúc; máy móc, thiết bị với giá trị còn lại là 120.371.750.364 VND – Xem thêm Mục 4.7;
- Quyền sử dụng đất tại Km2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum;
- Quyền sử dụng đất tại Khu dân cư Hòa Thọ, phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng;
- Hàng tồn kho và các khoản phải thu hình thành từ vốn vay.

Khoản vay ngắn hạn dài hạn là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam bằng VND với tổng hạn mức 80 tỷ VND, có thời hạn 5 năm, chịu lãi suất từ 10,5%/năm đến 12%/năm và dùng để đầu tư nâng công suất nhà máy đường của Công ty. Khoản vay này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của bên vay là dự án đầu tư nâng công suất nhà máy đường.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/07/2023 VND
Dự phòng sửa chữa tài sản cố định	8.000.000.000	6.540.000.000
Dự phòng quỹ tiền lương	2.820.000.000	2.379.000.000
Cộng	<u>10.820.000.000</u>	<u>8.919.000.000</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.13. Vốn chủ sở hữu****4.13.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	VND	
Tại ngày 01/07/2022	50.700.000.000	2.609.812.512	18.674.216.181	7.935.631.808	89.646.422.336	169.566.082.837	
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	38.196.713.389	38.196.713.389	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm tài chính 2021-2022	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)	
Tặng khác	-	-	-	-	180.802.113	180.802.113	
Sử dụng quỹ	-	-	-	(3.574.476.761)	-	(3.574.476.761)	
Tại ngày 01/07/2023	50.700.000.000	2.609.812.512	18.674.216.181	4.361.155.047	127.523.937.838	203.869.121.578	
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	30.912.899.429	30.912.899.429	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm tài chính 2022-2023	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)	
Trích quỹ đầu tư vùng nguyên liệu	-	-	-	6.000.000.000	(6.000.000.000)	-	
Chia tức năm 2022-2023	-	-	-	-	(4.056.000.000)	(4.056.000.000)	
Tặng khác	-	-	-	-	42.085.085	42.085.085	
Sử dụng quỹ	-	-	-	(2.460.362.130)	-	(2.460.362.130)	
Tại ngày 30/06/2024	50.700.000.000	2.609.812.512	18.674.216.181	7.900.792.917	147.922.922.352	227.807.743.962	

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.13.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/07/2023 VND
Vốn góp của Công ty TNHH Kim Hà Việt	7.605.000.000	7.605.000.000
Vốn góp của Ông Nguyễn Tất Đạt	3.588.000.000	3.588.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	39.507.000.000	39.507.000.000
Cộng	50.700.000.000	50.700.000.000

4.13.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/07/2023
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	5.070.000	5.070.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	5.070.000	5.070.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	5.070.000	5.070.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.13.4. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	30.912.899.429	38.196.713.389
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(500.000.000)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	30.912.899.429	37.696.713.389
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	5.070.000	5.070.000
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	6.097	7.435

(*) Tại ngày báo cáo tài chính, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2024 do Đại hội đồng cổ đông Công ty chưa quyết định tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2024. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, chỉ tiêu "Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu" có thể giảm, dẫn đến việc lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu giảm tương ứng.

4.13.5. Cổ tức

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	-	-
Cổ tức phải trả	4.056.000.000	-
Cổ tức đã trả của cổ phiếu phổ thông	(4.056.000.000)	-
Số dư cuối năm	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.13.6. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 01/07/2023	18.674.216.181	4.361.155.047
Trích lập trong năm	-	6.000.000.000
Sử dụng trong năm	-	(2.460.362.130)
Tại ngày 30/06/2024	18.674.216.181	7.900.792.917

4.14. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	ĐVT	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/07/2023
Hàng hoá nhận ký gửi, giữ hộ:			
Đường thành phẩm	Tấn	3.571.880,00	288,80
Mật rỉ	Tấn	137.580,00	1.914,15
		Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/07/2023 VND
Nợ khó đòi đã xử lý:			
Các nông dân trồng mía – Xóa nợ do các công nợ này không còn khả năng thu hồi		12.459.952.254	12.459.952.254

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán đường	220.084.926.664	499.918.524.767
Doanh thu bán mật rỉ	32.022.842.857	28.606.985.148
Doanh thu bán phân bón, thuốc trừ sâu	19.258.182.739	15.943.947.792
Doanh thu khác	7.595.519.898	3.208.318.197
Cộng (*)	278.961.472.158	547.677.775.904

(*) Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 8

	147.910.680.318	388.804.541.077
--	-----------------	-----------------

Mục 1.4 của Bản thuyết minh này trình bày nguyên nhân giảm doanh thu năm nay so với năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn đường	167.269.067.955	440.637.827.382
Giá vốn mật rỉ	29.129.520.825	24.463.317.947
Giá vốn phân bón, thuốc trừ sâu	18.171.440.752	14.466.476.357
Giá vốn khác	475.595.606	91.455.413
Cộng	<u>215.045.625.138</u>	<u>479.659.077.099</u>

Giá vốn hàng bán năm nay giảm do doanh thu năm nay giảm.

5.3. Doanh thu tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi đầu tư vùng nguyên liệu	1.781.879.268	950.205.399
Lãi trả chậm	718.946.491	4.056.921.834
Lãi tiền gửi ngân hàng	130.934.986	19.337.703
Cộng (*)	<u>2.631.760.745</u>	<u>5.026.464.936</u>

(*) Trong đó, lãi trả chậm từ các bên liên quan – Xem thêm Mục 8

718.946.491

463.885.890

5.4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	19.994.077.808	21.996.013.648
Chi phí lãi trả chậm, ứng trước tiền hàng	1.161.224.928	625.819.837
Lỗ chênh lệch tỷ giá	66.791.969	3.351.100
Cộng (*)	<u>21.222.094.705</u>	<u>22.625.184.585</u>

(*) Trong đó, chi phí lãi trả chậm, ứng trước tiền hàng cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 8

1.161.224.928

625.819.837

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.833.136.289	4.813.489.733
Chi phí vật liệu quản lý	10.904.029	489.431
Chi phí đồ dùng văn phòng	212.101.687	130.438.491
Chi phí khấu hao tài sản cố định	576.839.248	512.811.207
Thuế, phí và lệ phí	15.371.962	32.221.962
Dự phòng/(Hoàn nhập) nợ phải thu khó đòi	11.916.244	(393.475)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	88.684.534	196.470.282
Chi phí tiền thuê đất	995.026.302	183.026.290
Chi phí bằng tiền khác	1.305.731.848	1.370.814.496
Cộng	9.049.712.143	7.239.368.417

5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	286.794.874.590	376.371.592.608
Chi phí nhân công	21.523.629.179	18.148.938.892
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.776.323.913	17.350.945.601
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	11.916.244	(393.475)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.650.733.322	20.461.864.375
Chi phí bằng tiền khác	4.206.730.189	2.808.422.284
Cộng	345.964.207.437	435.141.370.285

5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	31.424.300.138	39.605.054.958
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	3.959.476.775	8.213.090.407
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	35.383.776.913	47.818.145.365
<i>Thu nhập từ sản xuất đường được miễn thuế</i>	32.826.773.370	40.776.437.522
<i>Thu nhập chịu thuế khác</i>	2.557.003.543	7.041.707.844
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	511.400.709	1.408.341.569
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	511.400.709	1.408.341.569

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí khi tính thuế như:

- Các khoản chi không có hóa đơn, chứng từ hợp lệ;
- Các khoản trích trước chưa có hóa đơn, chứng từ;
- Chi phí lãi vay không được trừ theo quy định;
- Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	269.618.585.871	283.807.867.181

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(264.753.455.585)	(273.368.230.156)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty không có báo cáo bộ phận vì theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động về những khác biệt về sản phẩm mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Cụ thể như sau:

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty chủ yếu là từ sản xuất, kinh doanh các sản phẩm đường nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh cần phải thuyết minh.
- Bộ phận theo khu vực địa lý: Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty chủ yếu tại tỉnh Kon Tum. Do vậy, không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan**

1. Công ty TNHH Kim Hà Việt
2. Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt
3. Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa
4. Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La
5. Công ty Cổ phần Mía đường Trà Vinh
6. Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ cốc
7. Công ty TNHH MTV Nam Phương Hà Tiên
8. Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát

Mối quan hệ

Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt Bà Tạ Ngọc Hương – vợ ông Trần Ngọc Hiếu (thành viên HĐQT Công ty) là Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt Nhân sự quản lý chủ chốt

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/07/2023 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng:		
Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt	717.510.000	25.500.000.000
Công ty TNHH Kim Hà Việt	3.942.000	25.892.640.000
Công ty TNHH MTV Nam Phương Hà Tiên	-	45.201.250.000
Công ty Cổ phần Mía đường Trà Vinh	-	23.082.500.000
Cộng – Xem thêm Mục 4.3	721.452.000	119.676.390.000

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/07/2023 VND
--	-------------------------------	-------------------------------

Trả trước người bán ngắn hạn – Xem thêm Mục 4.4:

Công ty TNHH Kim Hà Việt	525.792.255	2.515.244.695
Cộng	525.792.255	2.515.244.695

Phải trả ngắn hạn khác:

Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa	5.215.068	-
Cộng	5.215.068	-

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ cốc	96.255.733.333	191.238.095.238
Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt	26.243.300.000	43.677.251.429
Công ty TNHH Kim Hà Việt	17.912.212.429	87.635.751.190
Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa	7.303.707.609	1.221.300.000
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La	195.726.947	-
Công ty TNHH MTV Nam Phương Hà Tiên	-	43.048.809.886
Công ty Cổ phần Mía đường Trà Vinh	-	21.983.333.334
Cộng – Xem thêm Mục 5.1	147.910.680.318	388.804.541.077

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Mua hàng, nhận cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa	21.068.438.571	42.500.000
Công ty TNHH Kim Hà Việt	1.979.910.445	1.687.083.636
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La	-	98.904.761.905
Cộng	23.048.349.016	100.634.345.541
	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập từ thu lãi trả chậm:		
Công ty TNHH Kim Hà Việt	718.946.491	20.090.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt	-	443.795.890
Cộng – Xem thêm Mục 5.3	718.946.491	463.885.890
	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi trả chậm, ứng trước tiền hàng:		
Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa	488.130.408	-
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La	425.260.273	149.631.563
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ cốc	247.834.247	476.188.274
Cộng – Xem thêm Mục 5.4	1.161.224.928	625.819.837

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Lương, thù lao và các khoản chi phí khác của các thành viên Hội đồng quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Ông Đặng Việt Anh	Chủ tịch HĐQT	180.000.000	180.000.000
Ông Trần Ngọc Hiếu	Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Thái Văn Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	230.456.000	230.356.000
Bà Đặng Thị Thu Hằng	Tổng Giám đốc	372.512.000	372.412.000
Ông Nguyễn Hữu Quảng	Phó Tổng Giám đốc	168.878.441	164.062.739
Ông Narayanasamy Ravichandran	Phó Tổng Giám đốc	118.694.000	-
Bà Trần Thị Nhi	Trưởng ban	96.000.000	96.000.000
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Đức Cẩn	Thành viên	188.190.510	181.464.583
Cộng		1.498.730.951	1.368.295.322

9. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	<u>Năm trước VND (Được báo cáo lại)</u>	<u>Năm trước VND (Đã được báo cáo trước đây)</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.435	7.534
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	7.435	7.534

Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm trước được báo cáo lại do Công ty thực hiện điều chỉnh số chưa trích trong báo cáo trước đây theo số thực trích được phê duyệt trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 24 tháng 09 năm 2023.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 30/06/2024 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.



Phê duyệt

Đặng Thị Thu Hằng
Tổng Giám đốc

Theo Giấy ủy quyền số 54A/GUQ-2022 ngày 24/10/2022

Kon Tum, ngày 08 tháng 08 năm 2024

Người lập

Võ Thị Ái Thùy
Kế toán trưởng